

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM MỸ  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10/12/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Thùy Trang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Thùy Linh**;

2. Bà **Đặng Thị Lan**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Phạm Thái Học**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà **Phạm Thị Diệp**, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Quỳnh Ch, sinh năm: 1983

HKTT: ấp 1, xã X Đ, huyện C M, tỉnh Đ N.

Nơi cư trú: số 43, khu C X, thị trấn L T, huyện L T, tỉnh Đ N.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm: 1979

HKTT và nơi cư trú: số 76/1, ấp 1, xã X Đ, huyện C M, tỉnh Đ N.

- *Người làm chứng*: chị Lê Thị Quỳnh D, sinh năm: 1992

Nơi cư trú: tổ 2, ấp C Đ, xã B S, huyện L T, tỉnh Đ N.

(Chị Ch và anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị D vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Lê Thị Quỳnh Ch trình bày:

Trên cơ sở tự nguyện vào ngày 27/3/2006 chị Lê Thị Quỳnh Ch và anh Nguyễn Quốc H kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn tại UBND xã X Đ, huyện C M, tỉnh Đ N. Đây là hôn nhân lần đầu của cả hai. Sau khi kết hôn, anh chị sống cùng gia đình chồng hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh H không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn, ham mê cờ bạc,

có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác ngược lại còn ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, kéo dài đến năm 2020 thì anh chị đã sống ly thân, chị về nhà ba mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Hiện tại, vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể tiếp tục nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Quốc H.

Về con chung: Anh chị có con chung là cháu Nguyễn Lê Hải A, sinh ngày 06/5/2007, chị yêu cầu giao cháu Hải A cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và chị cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng số tiền 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ch trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo lời khai tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Quốc H trình bày: Anh H thống nhất với trình bày của chị Ch về quá trình hôn nhân.

Về mâu thuẫn vợ chồng thì anh H khẳng định quá trình chung sống không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, anh vẫn chăm lo kinh tế gia đình và quan tâm vợ con. Tuy nhiên, vào khoảng tháng 3/2020 anh phát hiện chị Ch nhắn tin tình cảm với người đàn ông khác, nên vợ chồng mâu thuẫn, chị Ch bỏ nhà về nhà ba mẹ ruột sống cho đến nay. Do vẫn còn tình cảm nên anh đã nhiều lần đến nói chuyện khuyên chị Ch về nhà để vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị Ch vẫn không đồng ý. Nay chị Ch yêu cầu ly hôn, nhưng anh vẫn còn yêu thương và muốn hàn gắn gia đình nên không đồng ý ly hôn.

Quá trình chung sống vợ chồng có người con chung là cháu Nguyễn Lê Hải A, sinh ngày 06/5/2007. Trong trường hợp ly hôn anh H đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hải A và thống nhất với mức cấp dưỡng nuôi con của chị Ch trình bày là 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung theo anh H trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo lời khai của người làm chứng chị Lê Thị Quỳnh D trình bày:

Chị là em gái của chị Ch. Sau khi kết hôn, anh H và chị Ch chung sống cùng gia đình anh H tại ấp 1, xã X Đ, huyện C M. Từ năm 2018 thì chị và gia đình biết được giữa vợ chồng chị Ch và anh H xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị biết thông qua chồng chị kể lại thì anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác có nhờ chồng chị đứng ra hòa giải nhưng không được. Bản thân chị Ch cũng kể lại cho chị biết việc anh H cờ bạc và ghen tuông vô cớ, từ năm 2020 thì chị Ch và anh H đã sống ly thân.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: áp dụng Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và các điều 85, 89, 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Ch và anh H ly hôn; về con chung: giao cháu Nguyễn Lê Hải A, sinh ngày 06/5/2007 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị Ch cấp dưỡng nuôi con hàng tháng số tiền 2.000.000 đồng; về tài sản chung và nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về án phí sơ thẩm: chị Ch chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Lê Thị Quỳnh Ch có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con với anh Nguyễn Quốc H. Anh H có đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại số 76/1, ấp 1, xã X Đ, huyện C M, tỉnh Đ N. Nên căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đối với chị Ch và anh H, nhưng anh chị có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Quỳnh Ch và anh Nguyễn Quốc H tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2006 và đăng ký kết hôn tại UBND xã X Đ, huyện C M, tỉnh Đ N, theo giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 27/3/2006, nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, theo chị Ch thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H ham mê cờ bạc, không lo làm ăn, không quan tâm tới vợ con, có mối quan hệ tình cảm ngoài hôn nhân và thường ghen tuông vô cớ, từ những mâu thuẫn trên dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân. Nay do vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Quốc H.

Theo lời khai tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Quốc H cũng trình bày vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn gì lớn, anh vẫn chăm lo cho gia đình, mâu thuẫn theo anh xuất phát từ việc anh phát hiện vợ nhắn tin tình cảm với người đàn ông khác dẫn đến ghen tuông, hiện nay anh chị cũng đã sống ly thân. Nhưng anh H nhận thấy vẫn còn tình cảm và yêu thương vợ con nên muốn hàn gắn và không đồng ý ly hôn. Tuy chị Ch và anh H trình bày nguyên nhân mâu thuẫn

khác nhau, nhưng từ lời khai của người làm chứng và của anh chị đã đủ để nhận thấy rằng đời sống của vợ chồng anh chị đã không còn hạnh phúc, mâu thuẫn thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không tin tưởng nhau. Anh chị đã được Tòa án hòa giải nhưng cũng không thể đoàn tụ, Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh chị đều xin vắng mặt, chứng tỏ cả hai anh chị không muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ. Vì vậy, HĐXX xét thấy chấp nhận cho chị Lê Thị Quỳnh Ch ly hôn anh Nguyễn Quốc H là phù hợp.

- Về con chung: Chị Lê Thị Quỳnh Ch yêu cầu giao cháu Nguyễn Lê Hải A, sinh ngày 06/5/2007 cho anh Nguyễn Quốc H được trực tiếp nuôi dưỡng và chị Ch sẽ cấp dưỡng cho cháu Hải A số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Anh H cũng đồng ý với yêu cầu này và phù hợp với nguyện vọng của cháu Hải A. Do đó có căn cứ để ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ch và anh H đều khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị Quỳnh Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 85; khoản 1 Điều 89, Điều 91, 92, 93, 94 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Quỳnh Ch.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Quỳnh Ch được ly hôn với anh Nguyễn Quốc H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Lê Hải A, sinh ngày 06/5/2007 cho anh Nguyễn Quốc H được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Thị Quỳnh Ch có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.000.000 (*hai triệu*) đồng/tháng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chấm dứt theo Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị Ch được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Quỳnh Ch phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng, chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị Ch đã nộp sang án phí theo biên lai thu tiền số 0009358 ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Chị Ch còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã X Đ;;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký và đóng dấu)

**Trương Thị Thùy Trang**